

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : L0671004-8 - Toán ứng dụng 2

STC : 3(45,0,0,0,0,0)

Lần thi : 3

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : ề

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	TRẦN DUY	HIẾU	3610101001	20/03/1983	5,00	1,00	2,20	
2	NGUYỄN ĐỨC	SƠN	3610101038	30/10/1991	4,00	1,00	1,90	
3	LÊ VĂN	TÌNH	3610101059	21/09/1987	5,00	2,00	2,90	
4	LÊ VĂN	TUYÊN	3610101064	28/12/1990	5,00	1,00	2,20	
5	TRẦN VĂN	QUÝ	3610101074	13/04/1991	,00	,00	,00	
6	NGUYỄN VĂN	THẮNG	3610101083	07/03/1988	5,00	,00	1,50	
7	NGUYỄN VĂN	BÌNH	3610101086	13/08/1988	5,00	2,00	2,90	
8	PHẠM VĂN	TUẤN	3610101093	29/03/1990	5,00	,00	1,50	
9	TRƯƠNG QUỐC	TRƯỜNG	3610101096	20/02/1986	,00	,00	,00	
10	HUỲNH NGỌC	TUẤN	3610101097	10/10/1986	6,00	1,00	2,50	
11	CAO VĂN	THẮNG	3610101103	25/05/1989	6,00	,00	1,80	
12	LÊ TRUNG	KIÊN	3610101106	20/03/1982	5,00	2,00	2,90	
13	ĐỖ VĂN	TÚ	3610101114	28/05/1984	5,00	1,00	2,20	
14	LÊ ĐỨC HỒNG	ÂN	3610101118	12/08/1988	2,00	,00	,60	
15	NGUYỄN XUÂN	DANH	3610101119	18/02/1984	5,00	3,00	3,60	
16	VŨ XUÂN	HẬU	3610101120	17/04/1987	,00	,00	,00	
17	LÊ BÁ	MÃO	3610101124	30/11/1987	5,00	3,00	3,60	
18	NGUYỄN TẤN	SỸ	3610101148	25/08/1982	7,00			
19	PHẠM	HÙNG	3610101159	21/09/1990	8,00	,00	2,40	
20	LÊ TRẦN THANH	TÙNG	3610101163	01/01/1986	5,00	,00	1,50	
21	NGUYỄN VĂN	LƯỢNG	3610101172	29/12/1989	3,00	1,00	1,60	
22	LÊ TRỌNG	NGHĨA	3610401014	16/11/1993	6,00	2,00	3,20	
23	NGUYỄN THANH	TRƯỜNG	3610401026	12/11/1990	1,00	,00	,30	
24	LÊ ĐĂNG	KHOA	3610401079	10/10/1988	5,00	,00	1,50	
25	HỒ VŨ	PHONG	3610401095	06/12/1989	4,00	2,00	2,60	
26	NGUYỄN VINH	QUANG	3610401150	21/08/1986	6,00	,00	1,80	
27	NGÔ NHẬT	KHOAN	3610501003	24/06/1989	4,00	,00	1,20	
28	TRẦN BÁ	NINH	3610501009	10/01/1988	10,00			
29	CAO MINH	TỎI	3610501017	11/10/1991	6,00	4,00	4,60	
30	NGUYỄN VĂN	NGHĨA	3610501024	20/03/1982	10,00			
31	TRẦN NGUYỄN HOÀNG	PHƯỚC	3610501032	02/09/1991	4,00	2,00	2,60	
32	TÂN THẮNG	TÔNG	3610501041	02/12/1990	6,00	,00	1,80	
33	ĐỖ HIỂN	ĐẠT	3610501047	26/08/1991	7,00	1,00	2,80	
34	LƯƠNG THẾ	ANH	3610501048	23/06/1991	6,00			DAU
35	NGUYỄN DUY	SÂM	3610501050	01/05/1989	5,00	,00	1,50	

STT	Họ và tên	MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
				Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	DƯƠNG MINH TÀI	3610501055	06/10/1990	6,00	,00	1,80	
37	NGUYỄN KHẮC LONG	3610501066	10/01/1991	6,00			
38	PHẠM VĂN HÙNG	3610501073	17/10/1989	4,00	2,00	2,60	
39	TRẦN MẠNH QUỐC	3610501091	21/10/1991	,00	2,00	1,40	
40	HỒ ĐÌNH LAN	3610501100	02/03/1990	4,00	,00	1,20	
41	TRẦN MINH TUẤN	3610501110	20/05/1991	5,00	,00	1,50	
42	VÕ VĂN PHƯƠNG	3610501116	01/05/1990	5,00	1,00	2,20	
43	NGUYỄN HỒNG QUANG	3610501134	26/05/1989	4,00	,00	1,20	
44	TRẦN QUỐC	3610501136	01/10/1988	5,00	,00	1,50	
45	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	3610501138	20/02/1988	6,00	,00	1,80	
46	LÊ VĂN LÃM	3610501143	20/09/1990	4,00	,00	1,20	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)